

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 12-01-2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Doãn Thị Lệ
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2021 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N n và P t n n Việt Nam.

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận B Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Minh T, Giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố P Gia Lai; Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ – NHNo-PC ngày 27-12-2019). Địa chỉ: 100B đường P Đ P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T.

Địa chỉ: 39 A D V, tổ 3, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng N N và PTNT Việt Nam do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh Th trình bày:

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng Agribank) thông qua Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh thành phố P, tỉnh Gia Lai và bà Võ Thị Hồng T, ông Nguyễn Trường S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5001-LAV-201900712/HĐTD ngày 28-8-2019 với nội dung hợp đồng:

- Số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Bốn tỉ đồng).

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bán buôn nông sản.
- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
- Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 28-8-2020
- Lãi suất tiền vay trong hạn là: 9,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn.

Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng tín dụng nêu trên bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 201900712/HĐTC ngày 28-8-2019 đối với các tài sản là:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 440m² tại đường Đ T M, tổ 07, phường Th L, thành phố P tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028281 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11-8-2010 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường S, bà Võ Thị Hồng T ngày 27-6-2018.

- Thửa đất số 249A, tờ bản đồ số 06, diện tích 510m² tại Thôn 02, xã A P, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028899 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04-8-2010.

Ngày 29-8-2019, Ngân hàng Agribank đã giải ngân số tiền vay trên theo Phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà T và ông S chỉ trả lãi cho Ngân hàng được ba tháng sau đó không trả lãi cũng như nợ gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng Agribank đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng bà T và ông S không đến Ngân hàng để làm việc, bà T và ông S đã không thực hiện nghĩa vụ của mình nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Hiện khoản vay này vẫn do Ngân hàng Agribank – Chi nhánh thành phố P, tỉnh Gia Lai quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Vì vậy, Ngân hàng Agribank yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S phải trả cho Ngân hàng Agribank một lần toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là ngày 12-01-2022 tổng cộng số tiền là: **5.038.602.739 đồng (Năm tỉ không trăm ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)** và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 5001-LAV-201900712/HĐTD ngày 28-8-2019 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc. Sau khi bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Agribank, thì Ngân hàng Agribank sẽ trả lại cho bà T và ông S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028281 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11-8-2010 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường S, bà Võ Thị Hồng T ngày 27-6-2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028899 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04-8-2010.

- Trong trường hợp bà T và ông S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Agribank thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 201900712/HĐTC ngày 28-8-2019 để xử lý thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất là tài sản thế chấp thể hiện:

Bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S đang quản lý và sử dụng thửa đất và tài sản trên đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028281 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11-8-2010 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường S, bà Võ Thị Hồng T ngày 27-6-2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028899 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04-8-2010. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Võ Thị Hồng T, ông Nguyễn Trường S và Ngân hàng Agribank giao kết hợp đồng tín dụng giữa một bên là cá nhân có đăng ký kinh doanh (hộ kinh doanh) với một bên là tổ chức tín dụng; mục đích xin vay: Buôn bán nông sản và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Khoản 5 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số: 5001-LAV-201900712 ngày 28-8-2019 thể hiện các bên lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng là Agribank Chi nhánh Thành phố P Gia Lai là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

Tài liệu trong vụ án là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 201900712/HĐTC ngày 28-8-2019 là những tình tiết sự kiện đã được ghi trong văn bản được công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ngân hàng Agribank yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 12-01-2022 số tiền là: 5.038.602.739 đồng và trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 13-01-2022 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 5001-LAV-201900712 ngày 28-8-2019 đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số: 5001-LAV-201900712 ngày 28-8-2019 (sau đây viết tắt là: Hợp đồng tín dụng) được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 29-8-2019 Ngân hàng Agribank đã giải ngân số tiền vay trên theo Phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ nên ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 28-8-2020. Do đó, ngân hàng Agribank thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng về khoản vay và giải ngân vốn cho vay. Tuy nhiên, bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S không thanh toán tiền lãi vay và gốc nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Đến nay, bà T và ông S không tới Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi của hợp Hợp đồng tín dụng nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank, buộc bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 12-01-2022 là: 5.038.602.739 đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-01-2022) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T và ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 201900712/HĐTC ngày 28-8-2019 thì thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, trường hợp bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S không thanh toán được khoản tiền nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn phải chịu chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 13.700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 9, 10, 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N N và PTNT Việt Nam.

Buộc bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S phải trả cho Ngân hàng N N và PTNT Việt Nam số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12-01-2022 tổng cộng số tiền là: 5.038.602.739 đồng (*Năm tỉ không trăm ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*) trong đó: tiền nợ gốc là:

4.000.000.000đ (*Bốn tỉ đồng*), tiền nợ lãi là: 1.038.602.739 đồng (*Một tỉ không trăm ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 13-01-2022, bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 5001-LAV-201900712 ngày 28-8-2019 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

2. Trong trường hợp bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 201900712/HĐTC ngày 28-8-2019 để thu hồi nợ gồm:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 440m² tại đường Đ T M, tổ 07, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028281 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11-8-2010 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường S, bà Võ Thị Hồng T ngày 27-6-2018.

- Thửa đất số 249A, tờ bản đồ số 06, diện tích 510m² tại Thôn 02, xã A P, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 028899 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04-8-2010.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S phải trả lại cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền 13.700.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Trường S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch số tiền là 113.038.602 đồng (*Một trăm mười ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lẻ hai đồng*).

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.395.356 đồng (*Năm mươi sáu triệu ba trăm chỉ mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000886 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm